

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.
- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2026 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035;
- Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch hành động số 328-KH/TU, ngày 24/04/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ

Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Kế hoạch số 331-KH/TU ngày 28/4/2025 của BTV Tỉnh ủy về tổng thể triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2025-2030;

- Kế hoạch 348/KH-UBND ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động 328-KH/TU thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2030;

- Công văn số 5511/BKH&CN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tập trung nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, phát triển các hệ thống thông tin, dữ liệu mở, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu, an toàn, đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương hai cấp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

- Góp phần thực hiện thực hiện các mục tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030 về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh bảo đảm khả thi, đồng bộ, thống nhất.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

(Phụ lục 01 gửi kèm theo)

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ then chốt, triển khai thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, nhanh và lộ trình phù hợp với nguồn lực, điều kiện cụ thể; xây dựng các nhiệm vụ cụ thể đưa vào kế hoạch hoạt động hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

- Chủ động rà soát các đề án, kế hoạch, dự án về chuyển đổi số bảo đảm đồng bộ và khả thi về chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số của cả hệ thống chính

trị, đáp ứng yêu cầu "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ thẩm quyền".

- Kiến toàn bộ máy với yêu cầu người đứng đầu chịu trách nhiệm toàn diện chuyển đổi số trong công tác tổ chức triển khai và kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị.

- Các cơ quan trong hệ thống chính trị phải bố trí ít nhất một cán bộ có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu tham mưu triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị.

- Đưa kết quả thực hiện chuyển đổi số là thước đo về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua hàng năm.

- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện thường xuyên để kịp thời phát hiện và giải quyết khó khăn, vướng mắc.

2. Thể chế số

- Cụ thể hóa các văn bản pháp luật của Trung ương; tổ chức rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về chuyển đổi số thuộc thẩm quyền của tỉnh hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ bảo đảm đồng bộ.

- Xây dựng, cập nhật, duy trì các Kiến trúc, Khung kiến trúc cấp tỉnh (Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh, Khung kiến trúc số tỉnh...) bảo đảm đồng bộ với Khung kiến trúc của Trung ương.

- Nghiên cứu và đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ về chuyển đổi số, nhất là trong xây dựng hạ tầng số, phát triển nguồn nhân lực, cải cách hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến và các chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh, các tiện ích số cho người dân.

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số các cấp, ngành và các kế hoạch chuyên đề chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực đảm bảo khả thi, rõ kết quả, nguồn lực thực hiện các mục tiêu.

3. Hạ tầng số

3.1. Hạ tầng viễn thông và internet

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2026-2030 tỉnh Nghệ An với các nhiệm vụ trọng tâm sau:

a) Hạ tầng di động:

- Hoàn thành rà soát các vùng lõm sóng thông tin di động, chất lượng dịch vụ chưa bảo đảm (bao gồm các vùng chưa có điện lưới).

- Phối hợp thực hiện Chương trình viễn thông công ích để phát triển hạ tầng viễn thông vùng viễn thông công ích nhằm đẩy nhanh tiến độ phủ sóng.

- Xây dựng hoặc nâng cấp tối thiểu mỗi xã một trạm thông tin di động kiên cố, khả năng chống chịu và bảo đảm thông tin liên lạc trong mọi tình huống thiên tai cực đoan, mưa lớn, ngập lụt, mất điện.

- Nghiên cứu sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet di động vệ tinh quỹ đạo tầm thấp để phủ sóng vùng sâu, vùng xa và dự phòng cho các tình huống thiên tai, phòng thủ dân sự.

b) Hạ tầng cố định

- Thúc đẩy phát triển và sử dụng internet cáp quang băng rộng ở khu vực nông thôn; nâng băng thông mạng bảo đảm người dân được tiếp cận dịch vụ internet cáp quang băng thông đến 01 Gbps.

- Hoàn thành xây dựng và triển khai kế hoạch ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông bảo đảm thẩm mỹ và vững chắc trước các tình huống thiên tai.

3.2. Hạ tầng số cơ quan nhà nước trong hệ thống chính trị

a) Mạng truyền số liệu chuyên dùng

Duy trì và nâng cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Nhà nước bảo đảm kết nối, liên thông, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong hệ thống chính trị.

b) Xây dựng, nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ:

- Xây dựng, nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ (mạng LAN, thiết bị ngoại vi, thiết bị IoT, thiết bị bảo mật, cơ sở vật chất CNTT/chuyển đổi số phục vụ nghiệp vụ...) các cơ quan nhà nước; bảo đảm kết nối an toàn, đúng quy định.

- Xây dựng hạ tầng ICT cấp xã đáp ứng Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số gồm: Mạng nội bộ, mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống wifi công cộng, hệ thống Internet vạn vật, hệ thống bảng điện tử công cộng, hệ thống camera an ninh, hệ thống truyền thanh thông minh và hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến.

- Kết nối các hệ thống hạ tầng số dùng chung theo mô hình và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.3. Hạ tầng vật lý - số

Lập danh mục ưu tiên và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, phòng chống thiên tai... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số, tạo nền móng xây dựng đô thị thông minh, xã thông minh.

3.4. Hạ tầng tiện ích số

- Phát triển, ứng dụng hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ, trọng tâm là các nền tảng: định danh số, xác thực số, thanh toán số, hóa đơn số, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, xác thực văn bản số, chữ ký số và chứng thực chữ ký số.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cài đặt và sử dụng các tiện ích số do nhà nước phát triển, như VNeID, E-Tax Mobile, phần mềm hóa đơn điện tử... Cán

bộ, công chức, viên chức tiên phong, gương mẫu trong sử dụng các nền tảng số do nhà nước phát triển.

- Thường xuyên nâng cao kỹ năng và sử dụng an toàn các nền tảng số do tổ chức, cá nhân trong nước phát triển và các nền tảng số xuyên biên giới.

4. Nhân lực số

- Bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức trong toàn bộ hệ thống chính trị được cập nhật kiến thức chuyển đổi số thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn, hướng dẫn (trực tiếp hoặc trực tuyến); đối với vị trí việc làm về công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị phải tham gia ít nhất một khóa đào tạo hoặc bồi dưỡng nâng cao chuyển đổi số.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế thí điểm điều động, biệt phái, luân chuyển nhân lực có năng lực về công nghệ thông tin, chuyển đổi số (cấp tỉnh hoặc địa phương), nhất là các giáo viên giảng dạy tin học, công nghệ thông tin hỗ trợ các xã về chuyên môn công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về nhu cầu thị trường và tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế, giới thiệu một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới.

- Tiếp tục triển khai sâu rộng phong trào bình dân học vụ số, nhất là ở cấp xã đối với các đối tượng người dân; Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng; Yêu cầu 100% cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị phải tham gia và hoàn thành các bài học có liên quan đến chuyển đổi số trên nền tảng <https://binhdanhocvuso.gov.vn>.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu địa phương về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tổ chức cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Các trường học cấp bậc phổ thông đưa vào giảng dạy các chương trình tin học, STEM/STEAM với thời lượng phù hợp, đặt nền móng về kiến thức và định hướng nghề nghiệp cho các em học sinh.

- Các cơ sở đào tạo, dạy nghề đưa kiến thức công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào giảng dạy, trong đó lồng ghép cập nhật phù hợp các kiến thức mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật, chuỗi khối... Đào tạo hoặc chủ động hợp tác với các cơ sở đào tạo để đào tạo chuyên môn sâu về vi mạch, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực mà tỉnh có tiềm năng phát triển.

5. Phát triển dữ liệu số

- Xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo kế hoạch giai đoạn và hàng năm về triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện:

- Rà soát toàn diện hiện trạng xây dựng, khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tất cả các lĩnh vực và đề xuất xây dựng, cập nhật, bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu, bảo đảm đồng bộ về cấu trúc, tiêu chuẩn, trường thông tin, phục vụ kết nối liên thông trong toàn bộ hệ thống chính trị, xây dựng Chính phủ số, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Hoàn thiện, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu trên các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, thống nhất theo hướng dẫn của Trung ương; ưu tiên số hóa, hoàn thiện các bộ dữ liệu phục vụ trực tiếp công tác cải cách thủ tục hành chính, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, phù hợp với kiến trúc dữ liệu của các bộ, ngành theo lộ trình xây dựng, triển khai của từng cơ sở dữ liệu.

- Đưa vào vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (IOC) bảo đảm kết nối các bộ cơ sở dữ liệu. Nghiên cứu thí điểm Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) cấp xã, kết nối Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh để cập nhật và chia sẻ dữ liệu.

- Theo lộ trình và quy hoạch trung tâm dữ liệu của Trung ương, nghiên cứu xây dựng trung tâm dữ liệu và trung tâm tính toán hiệu năng cao của tỉnh khi đủ điều kiện về quy hoạch đất sử dụng và nguồn lực.

6. An ninh mạng

6.1. Về an toàn thông tin

a) Đối với hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước

- Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng. Xây dựng và duy trì hoạt động đội ứng cứu sự cố của tỉnh.

- Đối với các hệ thống thông tin đang vận hành, yêu cầu tổ chức rà soát hồ sơ cấp độ an toàn thông tin; xây dựng, điều chỉnh, bổ sung hồ sơ cấp độ an toàn thông tin theo quy định; triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- Đối với các hệ thống thông tin đang xây dựng, yêu cầu thực hiện xây dựng hồ sơ cấp độ an toàn thông tin theo các văn bản hướng dẫn. Triển khai đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trước khi đưa hệ thống vào vận hành.

- Hàng năm, tổ chức tối thiểu một đợt diễn tập thực chiến với đối tượng diễn tập là hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước. Tổ chức tối thiểu một đợt bóc gỡ mã độc nhằm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm mã độc trong các hệ thống thông tin.

b) Đối với các hệ thống thông tin, tiện ích số phục vụ doanh nghiệp và người dân

- Xây dựng các bộ tài liệu, ấn phẩm truyền thông dễ đọc, dễ hiểu, dễ áp dụng để truyền thông trực tiếp, trực tuyến cho doanh nghiệp, người dân.

- Tổ chức giới thiệu các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin đã được các cơ quan có thẩm quyền chứng nhận đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và khuyến khích, khuyến cáo người dân, doanh nghiệp sử dụng.

6.2. Về an ninh mạng

- Phát hiện nguy cơ và cung cấp các giải pháp bảo đảm an ninh mạng; phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, phá hoại hệ thống thông tin, lợi dụng không gian mạng để tuyên truyền thông tin xấu độc. Kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn tội phạm sử dụng công nghệ cao như “tín dụng đen”, lừa đảo chiếm đoạt tài sản sử dụng công nghệ cao. Triển khai cơ chế hợp tác xuyên biên giới về phòng, chống tội phạm trên không gian mạng.

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật An ninh mạng 2025 trên địa bàn tỉnh.

7. Chính quyền số

- Triển khai thực hiện Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035 (lồng ghép trong Đề án chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2030).

- Tăng cường xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử, bảo đảm 100% cán bộ, công chức sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung để tác nghiệp, xử lý công việc đạt các chỉ tiêu được giao theo từng hệ thống, trọng tâm là các hệ thống thông tin: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Chứng thư số, chữ ký số công vụ; Cổng thông tin điện tử; Hệ thống giao ban trực tuyến và các nền tảng, hệ thống thông tin ngành dọc thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan, đơn vị. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng và triển khai bộ chỉ số điều hành trên môi trường điện tử; được phân cấp, phân quyền trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh để các sở, ban, ngành, địa phương cung cấp các chỉ số thông tin điều hành trực tuyến liên tục, định kỳ theo quy chế. Các chỉ số điều hành được kết nối lên Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh để phân tích, hiển thị trực quan, hỗ trợ ra quyết định.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong cơ quan nhà nước: Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các bộ thủ tục hành chính của tỉnh. Nghiên cứu lựa chọn giải pháp và triển khai ứng dụng trợ lý ảo cho cán bộ, công chức từ năm 2026, lựa chọn một số cơ quan, đơn vị cấp tỉnh triển khai thí điểm và nhân rộng khi nhận có hiệu quả.

- Tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số cho các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã.

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1 Phát triển kinh tế số

- Triển khai Luật giao dịch điện tử để việc giao dịch giao dịch điện tử mang lại nhiều lợi ích hơn, rẻ hơn, nhanh hơn, dễ dàng hơn và an toàn hơn.

- Xây dựng/lồng ghép nhiệm vụ phát triển kinh tế số ICT, kinh tế số các ngành, lĩnh vực trọng điểm trong kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của cơ quan, đơn vị. Hàng năm, các ngành trọng điểm của tỉnh (nông nghiệp và môi trường; công thương; văn hóa, thể thao và du lịch; xây dựng...) lựa chọn tối thiểu một

giải pháp ứng dụng công nghệ số hoặc nền tảng số, hệ sinh thái số, hệ thống IoT, AI, kết quả nghiên cứu để ứng dụng vào lĩnh vực quản lý.

- Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ các cơ sở bán lẻ, các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử.

8.2 Xã hội số

- Triển khai các mô hình xây dựng công dân số theo Đề án 06 của Chính phủ phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế số - xã hội số quốc gia, trong đó bao gồm cung cấp định danh điện tử, tài khoản định danh điện tử cho công dân sử dụng các dịch vụ, tiện ích số. Xây dựng văn hóa số trên cơ sở triển khai hiệu quả Bộ Quy tắc ứng xử trên môi trường số.

- Triển khai hiệu quả chương trình “Bình dân học vụ số” nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng số cho người dân.

- Thúc đẩy hiện diện số an toàn trên môi trường số nhằm tạo lập và duy trì danh tính số an toàn, bao gồm việc bảo vệ thông tin cá nhân, sử dụng thiết bị và nền tảng số an toàn, khả năng tự bảo vệ mình trên không gian mạng.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đa dạng hóa hình thức truyền thông thông qua các lễ phát động, cuộc thi, chương trình chuyên biệt, chuyên đề, đặc san, bài viết, bản tin, sổ tay, cẩm nang... trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử, cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở và các nền tảng số, mạng xã hội.

IV. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo. Chỉ đạo các đơn vị, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch triển khai bảo đảm “rõ nhiệm vụ, rõ người chịu trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ nguồn lực”.

- Nâng cao vai trò gương mẫu của người đứng đầu để dẫn dắt thực hiện thành công các mục tiêu chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và người dân. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng

rãi các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

3. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số,...

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số; rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

- Chuẩn hóa kiến thức cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin các cơ quan nhà nước theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về công nghệ thông tin.

- Phối hợp với các Tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin lớn đào tạo, bồi dưỡng nâng cao, chuyên sâu về kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số địa phương khác về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Chủ động hợp tác với các Tập đoàn viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

5. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

6. Tăng cường hợp tác, học tập kinh nghiệm

- Chủ động tổ chức hội thảo, xây dựng chương trình hợp tác, huy động nguồn lực, đào tạo cán bộ, chuyên gia về chuyển đổi số, học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ số, nhất là với các đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và có chương trình ký kết, thỏa thuận hợp tác với tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

V. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(Phụ lục 02 gửi kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện Kế hoạch; là đầu mối giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời báo cáo và kiến nghị cấp có thẩm quyền các biện pháp cần thiết để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

- Nghiên cứu, tham mưu lồng ghép các nguồn kinh phí hợp pháp; đề xuất các giải pháp đầu tư cho chuyển đổi số.

- Rà soát, đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện kế hoạch, gửi Sở Tài chính báo cáo, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Xây dựng biểu mẫu theo dõi, thống kê báo cáo tình hình, kết quả thực hiện của các đơn vị, địa phương hàng quý, 6 tháng, năm, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở nhiệm vụ được phê duyệt và dự toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị xây dựng, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và cơ cấu phân bổ kinh phí trong phạm vi dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên; tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ, dự án trọng tâm, cấp bách.

3. Các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch này, chủ động lập kế hoạch, tổ chức thực hiện bảo đảm chất lượng, tiến độ. Xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thực hiện cụ thể phù hợp với đặc thù đơn vị và lồng ghép, phân bổ nguồn lực thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Rà soát các chương trình, kế hoạch, đề án đã ban hành, còn hiệu lực có liên quan đến chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với Kế hoạch này.

- Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ Phụ lục 02 (kèm theo kế hoạch này) có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo tiến độ; chủ động đề xuất giải pháp thu hút nguồn vốn đầu tư từ vốn ngoài ngân sách nhà

nước, xã hội hóa, nguồn lực hợp pháp để thực hiện các nội dung được phân công. Hàng Quý, báo cáo tiến độ tình hình triển khai, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh; Cổng thông tin điện tử các cấp

Tăng cường truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân trong thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tỉnh Nghệ An.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2026; UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc; nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã/phường;
- Báo và PTTH tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- VNPT Nghệ An; Viettel, Mobifone;
- Các doanh nghiệp CNTT;
- Lưu: VT, TH (T. Anh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thái Văn Thành

PHỤ LỤC 01

Danh mục các chỉ tiêu cơ bản Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 4174 /KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026	Đơn vị chủ trì tham mưu
I	Hạ tầng số		
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh	≥ 70%	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps	≥ 50%	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị được chuẩn hóa hạ tầng số, bảo đảm an toàn thông tin	100%	Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị
4	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị theo danh mục trong quyết định của cấp có thẩm quyền được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng	100%	Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị
5	Tỷ lệ xã, phường có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông kết nối với hệ thống thông tin nguồn, phủ sóng đến 100% thôn, bản	70%	UBND cấp xã
6	Tỷ lệ xã, phường có Bảng điện tử công cộng đáp ứng yêu cầu kết nối đến Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh	40%	UBND cấp xã
7	Tỷ lệ xã, phường triển khai ít nhất một hạng mục hạ tầng số (hạ tầng vật lý - số, khuyến khích tích hợp AI) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự (Camera giám sát, chiếu sáng, nông nghiệp, du lịch, môi trường...)	100%	UBND cấp xã
8	Tỷ lệ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã đảm bảo cơ sở vật chất, hạ tầng, đường truyền theo quy định	100%	UBND cấp xã
9	Hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng dữ liệu tổng hợp quốc gia; đồng thời kết nối với Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (IOC)	Hoàn thành	Các sở, ban, ngành
10	Các ngành (Công an, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Công Thương; Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban Quản lý Khu Kinh tế Đông Nam) có ít nhất một dự án ứng dụng IoT (tích hợp AI), AI, Big Data trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống người dân, phù hợp với nguồn lực và điều kiện thực tế	Ứng dụng	Các sở, ban, ngành
11	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh nghệ An (IOC); sẵn sàng kết nối với các Trung tâm IOC/OC cấp xã	Hoàn thành	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.	≥ 50%	Các cơ quan cấp tỉnh trong hệ thống chính trị
13	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.	≥ 60%	Các cơ quan cấp tỉnh trong hệ thống chính trị
II	Nhận thức số, nhân lực số		

14	Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ, công chức các đơn vị (cấp tỉnh, cấp xã) xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc.	100%	Các sở, ban, ngành, địa phương
15	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị xây dựng kế hoạch hoặc đưa nhiệm vụ chuyển số vào nghị quyết, kế hoạch thực hiện hàng năm	100%	Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị
16	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng và nắm rõ kiến thức, kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số và an toàn thông tin	100%	Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị
17	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập trên các nền tảng số trực tuyến trên nền tảng Bình dân học vụ số hoặc các nền tảng số khác (hoàn thành và được nền tảng số xác nhận)	100%	Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị
18	Tỷ lệ ban cán sự thôn, tổ công nghệ số cộng đồng và các tổ chức khác ở cấp xã được tập huấn, hướng dẫn, phổ biến kỹ năng số cơ bản và an toàn thông tin	100%	UBND cấp xã
19	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề đưa tin học, công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào chương trình chính thức. Các trường Đại học, Cao đẳng, cơ sở dạy nghề yêu cầu phải tích hợp môn học về AI	100%	Các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề; Sở Giáo dục và Đào tạo
20	Tỷ lệ cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình của tỉnh hoàn thành chuyển đổi số quy trình sản xuất, phân phối nội dung trên đa nền tảng	$\geq 60\%$	Báo và Đài PTTH tỉnh
21	Tỷ lệ nội dung thông tin (tin, bài, chương trình) về CDS, Kỹ năng số được sản xuất bằng công nghệ số (AI, Big Data) và phân phối trên các nền tảng số của cơ quan truyền thông	$\geq 50\%$	Báo và Đài PTTH tỉnh
III	Xây dựng Chính quyền số		
22	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất tất cả các hệ thống thông tin các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương	100%	Các sở, ban, ngành, địa phương
23	Cán bộ, công chức, viên chức theo phân công làm chủ các hệ thống thông tin, kỹ năng số trong quản lý, điều hành	80%	Các sở, ban, ngành, địa phương
24	Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo tính kế thừa, liên tục, thông suốt, hiệu quả	100%	Văn phòng UBND tỉnh
25	Tỷ lệ phản ánh kiến nghị (trực tiếp, trực tuyến qua Hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị) được xử lý	100%	Văn phòng UBND tỉnh
26	Tỷ lệ các tổ chức, cá nhân thuộc diện được cấp chữ ký số chuyên dùng, chữ ký số công vụ được trang bị kịp thời phục vụ công việc	100%	Các cơ quan trong, tổ chức trong hệ thống chính trị
27	Tỷ lệ cán bộ, công chức có tài khoản và sử dụng hộp thư công vụ của tỉnh ".nghean.gov.vn"	100%	Các sở, ban, ngành, địa phương

28	Thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, minh bạch các quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; khai thác, sử dụng lại các thông tin, dữ liệu đã số hóa để giảm tối đa giấy tờ	100%	Các sở, ban, ngành, địa phương
29	Tỷ lệ thủ tục hành chính được rà soát, tái cấu trúc quy trình, nâng cao chất lượng cung cấp trên môi trường điện tử trên cơ sở tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hóa, sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	100%	Các sở, ban, ngành, địa phương
30	Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính để bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	95%	Các sở, ban, ngành, địa phương
31	Công bố, công khai đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước	Hoàn thành	Các sở, ban, ngành, địa phương
32	Hoàn thành 05 mục tiêu theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2026 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026	Hoàn thành	Các sở, ban, ngành, địa phương
33	Tỷ lệ hồ sơ nộp và giải quyết trực tuyến của tổ chức, cá nhân.	80%	Văn phòng UBND tỉnh
34	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	95%	Văn phòng UBND tỉnh
35	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hoá trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	90%	Văn phòng UBND tỉnh
36	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	90%	Các sở, ban, ngành, địa phương
37	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	100% đối với các thủ tục đủ điều kiện	Văn phòng UBND tỉnh
IV	Nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung		
38	Tỷ lệ các nền tảng số dùng chung của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	100%	Chủ quản các nền tảng số
39	Nền tảng số/hệ thống thông tin dùng chung hoạt động thông suốt, kết nối liên thông, bảo đảm an toàn thông tin	100%	Chủ quản các nền tảng số/hệ thống thông tin
40	Hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, dự phòng tối thiểu theo cấu hình 1:1 (bao gồm đường truyền, thiết bị đầu cuối)	Có	Sở Khoa học và Công nghệ
41	Tỷ lệ các nền tảng số, hệ thống thông tin xây dựng riêng của các ngành, lĩnh vực có khả năng kết nối liên thông với các nền tảng số có liên quan của Trung ương	100%	Chủ quản các nền tảng số/hệ thống thông tin
V	An toàn thông tin		
42	Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) kết nối đến 100% thiết bị đầu cuối các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị theo quy định; kết nối với Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia.	Có	Công an tỉnh
43	Hệ thống thông tin thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị được phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin; được triển khai đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ đã được phê duyệt	100%	Chủ quản các hệ thống thông tin

VI	Kinh tế số và xã hội số		
44	Tỷ lệ công dân đủ điều kiện được cấp thẻ Căn cước (Nhiệm vụ Đề án 06)	100%	Công an tỉnh
45	Triển khai các tiện ích tích hợp trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID) để hình thành hệ sinh thái cung cấp dịch vụ công, dịch vụ thương mại điện tử, nền tảng thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và thay thế các loại giấy tờ của công dân trong các giao dịch điện tử (Nhiệm vụ Đề án 06).	Hoàn thành	Công an tỉnh
46	Thanh toán, chi trả không dùng tiền mặt trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như y tế, giáo dục, bảo hiểm, chi trả an sinh xã hội, ngân hàng...);.	50-80%	Các sở, ban, ngành, địa phương
47	Bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ số cho 100% dân số trưởng thành: Chăm sóc sức khỏe từ xa; Học tập trực tuyến; Giao dịch tài chính; Thương mại điện tử...	80%	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Ngân hàng nhà nước, chi nhánh N/An
48	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được đánh giá mức độ chuyển đổi số trực tuyến hoặc trực tiếp hàng năm	$\geq 15\%$	Sở Tài chính
49	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	$>80\%$	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Khu vực 8
50	Tỷ lệ người dân có sổ sức khỏe điện tử	95%	Sở Y tế
51	Quy mô kinh tế số đóng góp GRDP	$>10\%$	Thống kê tỉnh

PHỤ LỤC 02

Danh mục các nhiệm vụ về Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An thực hiện năm 2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 4174 /KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp	Thời gian hoàn thành
I	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo			
1	Kiểm toàn bộ máy tổ chức thực hiện với yêu cầu người đứng đầu chịu trách nhiệm toàn diện đối với nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Nội vụ	Quý 1/ 2026
2	Bổ trí tối thiểu một cán bộ có đủ năng lực, trình độ; được đào tạo, bồi dưỡng bài bản để tham mưu triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Nội vụ	2026
3	Ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể, chương trình công tác năm của đơn vị trên cơ sở kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý 1/ 2026
4	Ban hành cơ chế tự kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị bảo đảm rõ kết quả, thực chất, khách quan, có định lượng	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
5	Ban hành kế hoạch và chỉ đạo phát động thi đua thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 hàng năm	Sở Nội vụ; các địa phương	Sở Nội vụ	2026
6	Ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
7	Xây dựng công cụ báo cáo, kiểm tra, giám sát trực tuyến tiến độ các nhiệm vụ thực hiện; phân cấp, phân quyền truy cập cho các cơ quan, tổ chức, địa phương thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
II	Hoàn thiện thể chế			
8	Tổ chức rà soát kế hoạch, dự án chuyển đổi số các đơn vị, yêu cầu đồng bộ, không trùng lặp nhiệm vụ bảo đảm khả thi, "rõ việc, rõ người chịu trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ nguồn lực", định lượng được khối lượng thực hiện theo tiến độ	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026

9	Tổ chức rà soát hệ thống các văn bản pháp luật về chuyển đổi số thuộc lĩnh vực quản lý đã được ban hành để tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ bảo đảm đồng bộ với hệ thống pháp luật mới ban hành hoặc đang có hiệu lực thi hành	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
10	Xây dựng, cập nhật, duy trì các Kiến trúc, Khung kiến trúc cấp tỉnh (Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh, Khung kiến trúc số tỉnh...)	Sở Khoa học và Công nghệ		Theo yêu cầu của Bộ KH&CN
11	Rà soát, công bố các văn bản pháp luật mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Hội đồng nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	2026
12	Điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông theo Quy hoạch tỉnh (điều chỉnh) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Khoa học và Công nghệ		Theo tiến độ Quy hoạch tỉnh
13	Triển khai các Luật và văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan đến chuyển đổi số	Các Sở, ban, ngành	Cơ quan theo ngành, lĩnh vực được phân công	2026
III	Nâng cao nhận thức			
15	- Xây dựng Chuyên mục chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên báo hình, báo nói, báo điện tử, nền tảng số của cơ quan, đơn vị - Xây dựng bản tin, chuyên san, đặc san theo kỳ phát hành của các cơ quan, đơn vị - Mở chuyên mục khoa học, công nghệ, chuyển đổi số để truyền thông trên hệ thống thông tin cơ sở	- Báo và PTTH tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; - Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Nội vụ; - Công an tỉnh - Các cơ quan báo chí, truyền thông; - UBND cấp xã	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thường xuyên
16	Tổ chức ngày "Chuyển đổi số quốc gia 10 tháng 10", lồng ghép các chuỗi sự kiện có liên quan trong quá trình thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ; Các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 10/2026
IV	Phát triển hạ tầng số			
	Hạ tầng viễn thông và internet			
17	Hoàn thành rà soát các vùng lõm sóng, chưa có điện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
18	Phối hợp triển khai thực hiện Chương trình Viễn thông công ích để phát triển hạ tầng viễn thông vùng viễn thông công ích	Sở Khoa học và Công nghệ		Theo đề nghị của Quỹ Viễn thông công ích

19	Triển khai xây dựng hạ tầng viễn thông, internet (di động, cố định) theo quy hoạch/kế hoạch được phê duyệt bảo đảm tỷ lệ phủ sóng, phủ cáp quang theo mục tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch được phê duyệt
20	Xây dựng và triển khai kế hoạch ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương; Điện lực Nghệ An; các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
Hạ tầng số cơ quan nhà nước				
21	Xây dựng, nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ (mạng LAN, thiết bị ngoại vi, thiết bị IoT, thiết bị bảo mật, cơ sở vật chất CNTT/chuyển đổi số phục vụ nghiệp vụ...) các cơ quan nhà nước.	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	2026.
22	Hạ tầng phục vụ nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và phòng thủ dân sự được trang bị 01 máy điện thoại vệ tinh, được hỗ trợ cước thuê bao cho các đơn vị (Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh; các xã thuộc vùng viễn thông công ích) để phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy khi mạng công cộng bị sự cố	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý III/2026
Hạ tầng dữ liệu				
23	Xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: Thực hiện theo kế hoạch của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Các sở, ban, ngành	Công an tỉnh	Theo Đề án 06
24	Xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu cơ quan, đơn vị, địa phương	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
25	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I/2026
26	Nghiên cứu phương án và tổ chức thí điểm, nhân rộng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC)/Trung tâm giám sát, điều hành (OC) cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ và một số địa phương được lựa chọn thí điểm	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
Hạ tầng vật lý - số				
27	Lập danh mục ưu tiên và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, phòng chống thiên tai... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số, tạo nền móng xây dựng đô thị thông minh, xã thông minh	Các Sở ngành; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026

	Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ như dịch vụ			
28	Khai thác có hiệu quả, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ, tiến độ được Trung ương giao, trọng tâm là các nền tảng: định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
V	Xây dựng, vận hành các nền tảng số, hệ thống thông tin			
29	Duy trì, nâng cấp các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
30	Xây dựng mới các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung: Các cơ quan, tổ chức đề xuất cụ thể nền tảng số dùng chung của tỉnh	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Khi có yêu cầu xây dựng
31	Xây dựng và triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
32	Xây dựng Hệ thống xác thực và Quản lý tài khoản tập trung đăng nhập một lần (Single Sign-on)	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
VI	Xây dựng Chính phủ số, Chính quyền số			
33	Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	2026
34	Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	2026
35	100% cán bộ, công chức sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung: Hệ thống điều, hành tác nghiệp; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Chữ ký số Công thông tin điện tử; Hệ thống giao ban trực tuyến và các nền tảng, hệ thống thông tin ngành dọc thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan, đơn vị, địa phương.	Các Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
36	Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các bộ thủ tục hành chính của tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	2026
37	Triển khai ứng dụng trợ lý ảo cho cán bộ, công chức (thí điểm cơ quan cấp tỉnh và nhân rộng)	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Từ năm 2026

38	Tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành; địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
VII	Phát triển nguồn nhân lực			
40	Tích hợp nội dung giảng dạy về tin học trong các bậc học với thời lượng phù hợp	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026
41	Xây dựng và triển khai đề án/kế hoạch thu hút, tuyển dụng với cơ chế đãi ngộ phù hợp đối với các nhà khoa học, chuyên gia, nhân lực có năng lực, kinh nghiệm từ các tổ chức, tập đoàn công nghệ, doanh nghiệp (trong và ngoài nước) về làm việc tại Nghệ An	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	2026
43	Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên các chương trình đào tạo chuyên sâu về vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng phát triển	Các cơ sở đào tạo, dạy nghề	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026
44	Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã về chuyển đổi số.	- Cơ quan đầu mối, phê duyệt kế hoạch: Sở Nội vụ - Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
45	Tổ chức các đợt tập huấn, hướng dẫn cho cấp thôn, bản, Tổ công nghệ số cộng đồng tối thiểu mỗi năm một đợt	Các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
46	Tiếp tục triển khai phong trào Bình dân học vụ số	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2026
VIII	Phát triển kinh tế số, xã hội số			
	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số - xã hội số giai đoạn 2026 – 2030; hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
80	Xây dựng Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026–2030; các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án... liên quan, trong đó chú trọng hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, cơ sở ứng dụng thương mại điện tử và chuyển đổi số quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, phát triển sản xuất, kinh doanh	Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường		
84	Triển khai các dịch vụ phục vụ phát triển công dân số theo Đề án 06/CP	Các sở, ban, ngành		

IX	An toàn thông tin, an ninh mạng			
53	Xây dựng Hệ thống “Hội nghị truyền hình trực tuyến từ Công an tỉnh đến 130 Công an phường, xã”	Công an tỉnh	Công an tỉnh	Từ 2026
54	Nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh	Công an tỉnh	Công an tỉnh	Từ 2026
55	Xây dựng hệ thống giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn toàn tỉnh (trên các vùng trọng điểm)	Công an tỉnh	Công an tỉnh	Từ 2026
56	Hệ thống bản đồ số tác chiến điện tử tích hợp kết nối đồng bộ với Hệ thống trực tuyến trong Công an Nghệ An	Công an tỉnh	Công an tỉnh	Từ 2026
57	Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin, an ninh mạng tỉnh Nghệ An	Công an tỉnh	Công an tỉnh	Từ 2026
58	Rà soát hồ sơ cấp độ an toàn thông tin; xây dựng và điều chỉnh hồ sơ cấp độ an toàn thông tin; triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	Các cơ quan, tổ chức có hệ thống thông tin	Công an tỉnh	2026
59	Kiểm tra, đánh giá an toàn các hệ thống thông tin theo cấp độ được phê duyệt	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026
60	Xây dựng kế hoạch và tổ chức ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026
61	Tổ chức diễn tập thực chiến với đối tượng diễn tập là hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026
62	Tổ chức bóc gỡ mã độc nhằm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm trong các hệ thống thông tin.	Các Sở, ban, ngành; các địa phương	Công an tỉnh	2026
63	Xây dựng và duy trì hoạt động đội ứng cứu sự cố của tỉnh do Công an tỉnh chủ trì, các cơ quan trong hệ thống chính trị cấp tỉnh cử cán bộ tham gia	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026